

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **09/2020/HNGĐ - ST**
Ngày: 19/03/2020
Về việc: Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán: - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Khanh.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Đức Bình.

2. Bà Trần Thị Lệ Dung.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Thu Hà, là thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Ninh Trọng Khánh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 03 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 237/2019/TLST – HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2019 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2020/QĐXXST – HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 03/2020/ QĐST – HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị H – sinh năm 1986; vắng mặt.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Xóm 6, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- Bị đơn: Anh Cao Văn T – sinh năm 1978; vắng mặt.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Xóm 6, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt lần 2 không rõ lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các văn bản khác có trong hồ sơ vụ án và nguyên đơn là chị Phạm Thị H trình bày: Chị và anh Cao Văn T có đăng ký kết với nhau năm 2005 tại UBND xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị về chung sống cùng bố mẹ anh T tại xóm 6, xã K và và vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 6 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do anh T thường xuyên rượu chè, say xỉn. Khi chị góp ý khuyên bảo anh T thì anh T không nghe mà kiêu căng đánh đập chị, thậm trí đã có lần chị phải lên Bệnh viện huyện K để điều trị vết thương do anh T đánh đập chị. Mâu

thuần đã được hai bên gia đình bố mẹ khuyên giải nhiều lần nhưng không có kết quả ngày càng tồi tệ hơn. Anh T không thay đổi mà ngày càng rượu chè chửi bới xúc phạm và lăng mạ chị nhiều hơn. Mâu thuẫn vợ chồng kéo dài nhiều năm không giải quyết được. Do chị không chịu được những trận đòn anh T dành cho chị nên từ đầu năm 2017 anh chị đã sống ly thân mỗi người một nơi và không quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, thời gian vợ chồng sống ly thân đã lâu và không có khả năng về đoàn tụ. Nên chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh T

Về con chung: Chị và anh T có hai con chung cháu Cao Xuân Đ sinh ngày 02 tháng 09 năm 2006, cháu Cao Thị T1 sinh ngày 05 tháng 2 năm 2009. Các cháu lúc ở với chị lúc ở với anh T. Nay anh chị ly hôn chị đề nghị Tòa án giao cả hai cháu Đ và T1 cho chị chăm sóc nuôi dưỡng. Chị không yêu cầu anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với các con và anh T có quyền đi lại thăm nom con chung.

Về tài sản chung : Chị và anh T đã tự thỏa thuận phân chia sản chung nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Trong bản tự khai bị đơn là anh Cao Văn T trình bày: Anh và chị Phạm Thị H có có đăng ký kết hôn năm 2005 tại UBND xã C, huyện K. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại Xóm 6, xã K sinh sống được khoảng 5, 6 năm sau đó hai vợ chồng ra Quảng Ninh làm ăn sinh sống thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn do tính tình không hợp và bất đồng quan điểm sống. Trong cuộc sống vợ chồng không tôn trọng nhau. Mỗi lần vợ chồng mâu thuẫn cãi vã thì chị H lại viết đơn đòi ly hôn, sự việc cứ lặp đi lặp lại nhiều lần. Nghĩ đến các con bản thân anh cũng đã cố gắng tìm các biện pháp để khắc phục mâu thuẫn vợ chồng nhưng chỉ được một thời gian ngắn chị H lại gây ra mâu thuẫn và ngày càng căng thẳng hơn. Cũng vì điều kiện công việc mà vợ chồng anh chị mỗi người mỗi nơi và không quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nay chị H có đơn xin ly hôn vì không muốn làm ảnh hưởng đến cuộc sống và tâm lý của các con nên anh không đồng ý ly hôn mà muốn vợ chồng về đoàn tụ. Nhưng trong trường hợp chị H cương quyết xin ly hôn thì anh cũng chấp nhận.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có hai con chung cháu Cao Xuân Đ sinh ngày 02 tháng 09 năm 2006, cháu Cao Thị T1 sinh ngày 05 tháng 2 năm 2009. Các cháu đang ở cùng với anh Đ. Nay nếu phải ly hôn các cháu nguyện vọng muốn ở cùng với ai thì Tòa án giao cho người đó chăm sóc nuôi dưỡng. Anh không có quan điểm gì.

Về tài sản chung: Anh không có ý kiến gì về vấn đề tài sản chung của vợ chồng nên anh không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại bản tự khai của cháu Cao Xuân Đ và cháu Cao Thị T1 thì nguyện vọng các cháu muốn ở với mẹ là chị Phạm Thị H để ổn định việc học tập cũng như sinh hoạt của cháu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

1. Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chấp hành và thực hiện tương đối đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81,82,83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 144 khoản 4 Điều 147 và §100 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị H ly hôn anh Cao Văn T.

- Về con chung: Giao cho chị Phạm Thị H chăm sóc nuôi dưỡng cháu Cao Xuân Đ và cháu Cao Thị T1. Anh T không có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con và có quyền đi lại thăm nom con chung.

- Án phí: Chị Phạm Thị H nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Phạm Thị H có đơn khởi kiện về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh Cao Văn T có nơi cư trú tại: Xóm 6, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Tòa án nhân dân huyện K thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1, Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn là chị Phạm Thị H, chị H có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn là anh Cao Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không rõ lý do. Do vậy để đảm bảo quyền lợi của các đương sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị H và anh Cao Văn T có đăng ký kết hôn ngày 30 tháng 12 năm 2005 tại UBND xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị H và anh Cao Văn T là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị về sinh sống tại xóm 6, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, luôn bất đồng quan điểm và vợ chồng thường xuyên cãi vã không tôn trọng nhau. Cả chị H và anh T đều thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn và vì điều kiện công việc thì anh chị đã không ở cùng nhau 2 năm nay không quan tâm đến nhau nữa. Chị H giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn với anh T. Về phía anh T vì không muốn ảnh hưởng đến tâm lý của con cái nên anh không nhất trí ly hôn anh muốn vợ chồng về đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con

chung. Nhưng trong trường hợp chị H cương quyết xin ly hôn thì anh cũng chấp nhận

Biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã K thể hiện: Chị H và anh T có quan hệ hôn nhân hợp pháp, sau khi kết hôn anh chị về chung sống tại xóm 6, xã K, huyện K khoảng 5, 6 năm sau đó anh chị đi làm ăn xa thỉnh thoảng mới về quê. Trong cuộc sống anh chị có phát sinh mâu thuẫn và qua nghe dư luận quần chúng cho rằng anh chị mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và vợ chồng nghi ngờ nhau về vấn đề tình cảm, chị H đã nhiều lần đòi ly hôn anh T nhưng sau đó lại về chung sống với nhau. Từ đầu năm 2019 đến nay không thấy chị Hiền

và anh Thành sống cùng nhau nữa chỉ có mình anh T ở nhà tại xóm 6, xã K. Chị H không ở cùng nhà với anh T nữa. Nay anh chị xin ly hôn Tòa án căn cứ vào các quy định để giải quyết.

Từ những tài liệu, chứng cứ nêu trên chứng tỏ chị H và anh T đã có thời gian sống ly thân nhau và không có biện pháp nào hàn gắn tình cảm. Xét thấy tình trạng vợ chồng giữa chị H và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

[3] Về con chung: Chị H và anh Thành có hai con chung cháu Cao Xuân Đ sinh ngày 02 tháng 09 năm 2006, cháu Cao Thị T1 sinh ngày 05 tháng 2 năm 2009. Chị H có nguyện vọng nuôi dưỡng cả hai cháu Đ và T1. Bản thân anh T không có quan điểm rõ ràng về vấn đề giao con sau khi ly hôn. Anh đề nghị Tòa án hỏi nguyện vọng của các cháu Đ và T1 muốn ở với ai thì giao các cháu cho người đó chăm sóc nuôi dưỡng. Qua nghe nguyện vọng cả hai cháu Đ và T1 đều muốn ở với chị H. Nay để không làm ảnh hưởng đến việc học tập và sinh hoạt của các cháu nên giao hai cháu Đ và T1 cho chị H chăm sóc nuôi dưỡng kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi và tự lập được cuộc sống.

Về vấn đề cấp dưỡng: Do chị H không có yêu cầu anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với các con, chị xác định mình đủ điều kiện để về vấn đề thu nhập để đảm bảo cuộc sống cho các cháu Đ và T1. Căn cứ vào Hợp đồng lao động số 04/18/HĐ – CT ngày 01 tháng 6 năm 2018 do chị H cung cấp cho Tòa án hiện chị H đang có công việc ổn định với mức thu nhập trung bình là 25.000.000đ/ tháng. Do vậy việc giao hai cháu Đ và T1 cho chị H chăm sóc nuôi dưỡng và anh T không có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với các cháu T1 và Đ vẫn đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho các cháu.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 144. Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Phạm Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị H và anh Cao Văn T được ly hôn

2. Về con chung: Giao cháu Cao Xuân Đ sinh ngày ngày 02 tháng 09 năm 2006 và cháu Cao Thị T1 sinh ngày 05 tháng 2 năm 2009 cho chị Phạm Thị H chăm sóc nuôi dưỡng kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi và tự lập được cuộc sống. Anh Cao Văn T không có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con chung và có quyền đi lại thăm nom con chung. Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc con chung.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị H phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2013/0003195 ngày 23 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện K, tỉnh Ninh Bình

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được THADS, người phải THADS có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật THADS; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật THADS.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện K
- Chi cục THA dân sự huyện K;
- UBND xã C, huyện K
- Đường sự.
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Khanh